UBND QUẬN PHÚ NHUẬN
TRƯỜNG THCS TRẦN HUY LIỆU

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ I NĂM HỌC 2022 - 2023
MÔN: TOÁN KHỐI 7
Thời gian làm bài: 90 phút (không kể thời gian phát đề)

Bài 1: (3,0 điểm) Thực hiện phép tính (tính hợp lí nếu có thể):

a) $1\frac{2}{5}-\frac{3}{2}$ b) $\frac{1}{5}.\frac{-13}{7}+\frac{-8}{7}.\frac{1}{5}$ c) $\sqrt{9}+(2022)^0-\frac{2}{3}.\frac{15}{8}$

Bài 2: (2,0 điểm) Tìm x, biết:

a) $|x|=\sqrt{25}$ b) $\frac{-22}{45}:\left(\frac{5}{7}+x\right)=\frac{11}{15}$

Bài 3: (1,0 điểm)
Cho hình hộp chữ nhật ABCD.EFGH như hình vẽ.
Biết AB = 4 cm, EH = 8 cm, CG=6cm.
a) Tính diện tích xung quanh của hình hộp chữ nhật.
b) Tính thể tích của hình hộp chữ nhật.

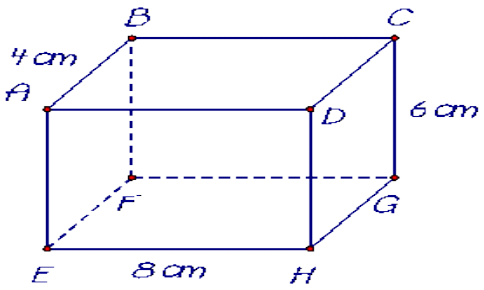

Bài 4: (2 điểm)
Quan sát hình vẽ bên.
a) Chứng minh xy//zt .
b) Biết $\widehat{xMN}=110^0$
Tính số đo $\widehat{MNB}$.

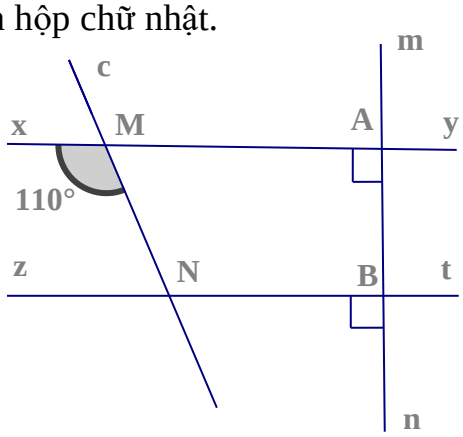

Bài 5: (1 điểm)
Tìm hiểu khả năng chạy 100m của các bạn nam lớp 7A được cho bởi bảng thống kê sau:

Khả năng chạy 100m	**Tốt**	**Chưa đạt**	**Khá**	**Đạt**
Số bạn nam được đánh giá	9	2	7	3

a) Dữ liệu nào là định tính?
b) Dữ liệu nào là định lượng?

Bài 6: (1 điểm)
Một xe tải được phép chở tối đa 5 tấn (không tính khối lượng của xe và người ngồi trên xe) .
a) Biết xe đang chở 27 thùng hàng, mỗi thùng hàng nặng 0,182 tấn.Tính khối lượng hàng xe đang chở.
b) Làm tròn kết quả vừa tìm được với độ chính xác d = 0,05 thì xe có chở vượt quá quy định về khối lượng không?

---HẾT---

ĐÁP ÁN

<u>Bài 1:</u> 3,0 điểm)

a) $1\frac{2}{5}-\frac{3}{2}$

$=\frac{7}{5}-\frac{3}{2}$…….0,25đ

$=\frac{14}{10}-\frac{15}{10}$……..…….....0,25đx2

$=\frac{-1}{10}$……..……...0,25đ

Nếu học sinh bấm máy tính ra kết quả đúng: 0,25đ

b) $\frac{1}{5}.\frac{-13}{7}+\frac{-8}{7}.\frac{1}{5}$

$=\frac{1}{5}.\left(\frac{-13}{7}+\frac{-8}{7}\right)$……..…….0,5đ

$=\frac{1}{5}.(-3)$……..…….....0,25đ

$=\frac{-3}{5}$……..……..……..0,25đ

Học sinh không tính hợp lí không cho điểm.

c) $\sqrt{9}+(2022)^0-\frac{2}{3}.\frac{15}{8}$

$=3+1-\frac{5}{4}$……..……. …….0,25đx2

$=4-\frac{5}{4}$

$=\frac{16}{4}-\frac{5}{4}=\frac{11}{4}$ ……..……..……0,5đ

Nếu học sinh bấm máy ra kết quả đúng: 0,25đ toàn bài.

<u>Bài 2:</u> (2,0 điểm)

a) $|x|=\sqrt{25}$

$|x|=5$……..0,25đ

x = 5……..……..…… …… .0,5đ

hoặc x = −5……..……..…… 0,25đ

b)$\frac{-22}{45}:\left(\frac{5}{7}+x\right)=\frac{11}{15}$

$\frac{5}{7}+$ x = $\frac{-22}{45}:\frac{11}{15}$ …….0,25đ

$\frac{5}{7}+$ x = $\frac{-2}{3}$ ……..…….... ……0,25đ

x = $\frac{-2}{3}-\frac{5}{7}$……..…….....0,25đ

x = $\frac{-29}{21}$……..…….....0,25đ

<u>Bài 3:</u> (1,0 điểm)

a)Diện tích xung quanh của hình hộp chữ nhật :

S_{xq} =2.(4+8).6 = 144cm^2 .....0,25đx2

b)Thể tích hình hộp chữ nhật :

V=8.4.6=192(cm^3).....0,25đx2

Nếu học sinh làm sai hoặc thiếu đơn vị trừ 0,25đ toàn bài.

<u>Bài 4:</u> (1 điểm)

a) Ta có

$\begin{cases} xy \perp mn \\ zt \perp mn \end{cases}$ (gt)……0,25đx2

⇒ xy//zt 0,5đ

Học sinh làm cách khác đúng vẫn cho điểm tối đa.

b) Vì xy//zt.....0,25đ

⇒ $\widehat{xMN}$=$\widehat{MNB}$ (Hai góc so le trong) ……..0,25đx2

mà $\widehat{xMN} = 110^0$ nên $\widehat{MNB}$ = 110^0 ……..0,25đ

<u>Bài 5:</u> (1 điểm)

a)Dữ liệu định tính :

Khả năng chạy 100m: Tốt ; khá ; đạt; chưa đạt 0,25đx2

b)Dữ liệu định lượng :

Số bạn nam được đánh giá :2; 3; 7; 9 .....0,25đx2

<u>Bài 6:</u> (1 điểm)

a) Khối lượng hàng xe đang chở :

27.0,182 = 4,914 tấn 0,25đx2

b) Vì độ chính xác d=0,05 đến hàng phần trăm nên ta làm tròn kết quả đến hàng phần mười :

4,914 ≈ 4,9 tấn 0,25đ

4,9 tấn < 5 tấn nên xe chở không vượt quá quy định về khối lượng 0,25đ

.

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ I MÔN TOÁN 7

Cấp độ / Chủ đề	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng		Cộng
			Thấp	Cao	
1. Thực hiện phép tính (hợp lí nếu có thể)	Cộng, trừ số hữu tỉ.	Tính chất phân phối của phép nhân đối với phép cộng số hữu tỉ để tính một cách hợp lí.	Vận dụng phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên,căn bậc hai trong tính toán.		
Số câu Số điểm Tỉ lệ %	1(1a) 1,0 10%	1(1b) 1,0 10%	1(1c) 1,0 10%		3 3,0 30%
2.Tìm x	Tìm x trong giá trị tuyệt đối	Quy tắc tìm x.			
Số câu Số điểm Tỉ lệ %	1(2a) 1,0 10%	1(2b) 1,0 10%			2 2,0 20%
3. Toán thực tế: Đại số				Dạng toán làm tròn số với độ chính xác cho trước	
Số câu Số điểm Tỉ lệ %				2(6a,6b) 1,0 10%	2 1,0 10%
4. Hình học	Nhận biết hai đường thẳng song song	Hiểu tính chất hai đường thẳng song song suy ra các góc so le trong ,đồng vị bằng nhau	Vận dụng công thức để tính diện tích xung quanh;thể tích hình hộp chữ nhật .		
Số câu Số điểm Tỉ lệ %	1(4a) 1,0 10%	1(4b) 1,0 10%	2(3a;3b) 1,0 10%		4 3,0 30%
5.Thống kê	Nhận biết dữ liệu định tính định lượng				
Số câu Số điểm Tỉ lệ %	2(5a;5b) 1,0 10%				2 1,0 15%

Tổng số câu	5	3	3	2	13
Tổng số điểm	4,0	3,0	2,0	1	10
Tỉ lệ %	40%	30%	20%	10%	100%

BẢN MA TRẬN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 1 MÔN TOÁN 7

STT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Chuẩn kiến thức kỹ năng cần kiểm tra	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Điểm
				NB	**TH**	**VD**	**VDC**	
1	**Các phép tính với số hữu tỉ**	Cộng, trừ, nhân, chia số hữu tỉ	**Nhận biết:** Áp dụng các quy tắc cộng, trừ, nhân hoặc chia để thực hiện phép tính, tìm x. **Thông hiểu:** Vận dụng tính chất phân phối của phép nhân đối với phép cộng số hữu tỉ để tính một cách hợp lí. **Vận dụng cao:** Vận dụng cộng, trừ, nhân, chia số hữu tỉ .Dạng toán làm tròn số với độ chính xác cho trước để giải quyết các bài toán trong thực tiễn.	2,0 Câu 1,2 (1a, 2a)	1,0 Câu 1 (1b)		1,0 Câu 6(6a,6b)	4,0
2	**Lũy thừa của một số hữu**	1. Luỹ thừa với số mũ tự nhiên 2. Căn bậc	**Vận dụng thấp:** Vận dụng phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên, căn bậc 2 trong tính toán.			1,0 Câu 1 (1c)		1,0

	tỉ,căn bậc 2	số thực						
3	**Quy tắc dấu ngoặc và quy tắc chuyển vế**	1. Quy tắc dấu ngoặc. 2. Quy tắc chuyển vế 3. Thứ tự thực hiện các phép tính	**Thông hiểu:** Áp dụng quy tắc chuyển vế để thực hiện tìm x.		1,0 Câu 2 (2b)			1,0
4	**Hình hộp chữ nhật, hình lập phương**	1. Diện tích xung quanh, toàn phần và thể tích của hình hộp chữ nhật, hình lập phương	**Vậndụng thấp:**Vậndụng công thức tính diện tích xung quanh; thể tích hình hộp chữ nhật để giải quyết yêu cầu bài toán.			1,0 Câu 3 (3a,3b)		1,0
5	**Hai đường thẳng song song**	1. Dấu hiệu nhận biết hai đường thẳng song song 2. Tính chất hai đường thẳng song song	**Nhận biết :** Hai đường thẳng song song qua các cặp góc so le trong hoặc đồng vị bằng nhau. **Thông hiểu:**Từ hai đường thẳng song song suy ra các cặp góc so le trong, đồng vị bằng nhau từ đó tính toán số đo góc cần tìm.			2,0 Câu 4 (4a, 4b)		2,0
6	**Thống kê**	Thu thập và phân loại	**Nhận biết :** Dữ liệu định tính, dữ liệu định lượng			1,0 Câu		1,0

		dữ liệu thống kê.				5(5a,5b)		